

Bản án số: 89/2026/HS-PT

Ngày: 05 - 6 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bình

Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 74/2026/TLPT-HS ngày 08 tháng 4 năm 2026 đối với các bị cáo Lê Thị C, Hồ Thị T, Trương Văn C1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2026/HS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Thị C; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Mến; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984. Nơi sinh: thành phố N, tỉnh Hậu Giang; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang (N là Khu vực Đ, phường Đ, thành phố Cần Thơ); Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: Lê Văn N, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1951. Tiền án: 01 lần ngày 14/8/2023, bị Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tuyên phạt số tiền 30.000.000 đồng và đóng án phí số tiền 200.000 đồng về tội Đánh bạc, đến ngày 01/11/2024 bị cáo thực hiện việc đóng phạt 30.000.000 đồng, ngày 27/11/2024 bị cáo thực hiện việc đóng án phí số tiền 200.000 đồng; Tiền sự: không. Bị cáo Lê Thị C bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 24/11/2024, đến ngày 19/12/2024 được bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Hồ Thị T; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 08 tháng 10 năm 1965; Nơi sinh: huyện V, tỉnh Vĩnh Long; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Nơi cư trú: ấp Đ, xã Đ, thành phố N, tỉnh Hậu Giang. (Nay là Khu vực Đ, phường Đ, thành phố Cần Thơ); Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông: Hồ Minh L, không rõ năm sinh (đã chết) và bà Lương Thị N1, không rõ năm sinh (đã chết); Tiền án: Không; Tiền sự: 01 lần ngày 24/01/2024 Hồ Thị T bị Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố N, tỉnh Hậu Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Bán số lô, số đề giao lại cho người khác hưởng hoa hồng”, với số tiền 3.500.000 đồng, đã nộp phạt ngày 25/01/2024. Bị cáo Hồ Thị T bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 24/11/2024, đến ngày 19/12/2024 được bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Trương Văn C1; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1973. Nơi sinh: thành phố N, tỉnh Hậu Giang; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Nơi cư trú: ấp Đ, xã Đ, thành phố N, tỉnh Hậu Giang. (Nay là Khu vực Đ, phường Đ, thành phố Cần Thơ); Nơi ở hiện tại: ấp E, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Nay là ấp E, xã B, thành phố Cần Thơ); Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông: Trương Văn T1, sinh năm 1950 và bà Trần Thị T2, sinh năm 1951; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 lần ngày 23/4/2024 bị Công an thành phố N, tỉnh Hậu Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Mua các số lô, số đề”, với số tiền 350.000 đồng, đã nộp phạt ngày 05/11/2024. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 40 phút, ngày 29/10/2024, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an thành phố N, kết hợp cùng Công an xã Đ (Nay là Công an phường Đ, thành phố Cần Thơ) phát hiện bắt quả tang bị cáo Hồ Thị T, đang thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi bán số, lô đề cho các con bạc tại số nhà G, ấp Đ, xã Đ, thành phố N, tỉnh Hậu Giang (Nay là số nhà G, Khu V, phường Đ, thành phố Cần Thơ).

Quá trình điều tra bị cáo T khai nhận: Ngày 29/10/2024, bị cáo T đã thực hiện hành vi bán số lô, đề dựa trên kết quả xổ số của các đài miền N (Bạc Liêu, Bến Tre, Vũng Tàu); đài M (Quảng Nam, Đ) và đài Miền B để xác định được, thua bằng tiền.

Khi bán số lô, đề cho các con bạc, bị cáo T tính tiền như sau: Đối với số đầu, đuôi bị cáo T lấy 100% (tức mua đầu hoặc đuôi 1.000đ thì tính giá 1.000đ).

Nếu người chơi mua 1.000đ, thì khi trúng thưởng nhận được 70.000đ (tỷ lệ thắng thua là 1:70); Đối với bao lô 02 con số và 03 con số các đài M và Miền T3, bị cáo T lấy giá 14.000đ trên tổng số 18 lô. Nếu người chơi bao lô 02 con số giá 1.000đ, thì khi trúng thưởng nhận được 70.000đ (tỷ lệ thắng thua là 1:70). Nếu người chơi mua bao lô 03 con số 1.000đ thì khi trúng thưởng nhận được 600.000đ (tỷ lệ thắng thua là 1: 600); Đối với bao lô 02 con số và 03 con số đài Miền B, bị cáo T tính giá 21.000đ dựa trên tổng 28 lô. Nếu người chơi bao lô 02 con số 1.000đ, thì khi trúng thưởng nhận được 70.000đ (tỷ lệ thắng thua là 1:70). Nếu người chơi bao lô 03 con số 1.000đ, khi trúng nhận được 600.000đ (tỷ lệ thắng thua là 1: 600); Đối với số đá 02 cặp số thì lấy giá 45.000đ đối với đài Miền B. Nếu người chơi mua 1.000đ đá 02 cặp số thì khi trúng thưởng nhận được 600.000đ (tỷ lệ thắng thua là 1: 600). Theo kết quả điều tra xác định trong ngày 29/10/2024, bị cáo T đã ghi bán số lô, đề cho các đối tượng cụ thể như sau:

Lư Văn T4 mua thông qua hình thức gọi điện thoại trực tiếp bao gồm: Đài Q: Bao lô 02 con số: Số A số tiền 50.000đ x 14.000đ = 700.000đ; Số 52 số tiền 20.000đ x 14.000đ = 280.000đ; Bao lô 03 con số: Số A số tiền 10.000đ x 14.000đ = 140.000đ. Tổng số tiền: 1.120.000đ; Đài Đ: Bao lô 02 con số: Số A số tiền 50.000đ x 14.000đ = 700.000đ; Số 09 số tiền 20.000đ x 14.000đ = 280.000đ; Số 52 số tiền 20.000đ x 14.000đ = 280.000đ; Bao lô 03 con số: Số A số tiền 10.000đ x 14.000đ = 140.000đ. Tổng số tiền 2.520.000đ; Thời điểm bị phát hiện xác định số tiền trúng của T4 là: Bao lô 2 con số đài Đ; Số 09 số tiền 20.000đ; Tổng số tiền: 1.400.000đ

Tổng số tiền tham gia đánh bạc: 1.120.000đ + 1.400.000đ + 1.400.000đ = 3.920.000đ. Khi mua thì T4 chưa đưa tiền cho bị cáo T, nhưng sau khi đối chiếu kết quả thì bị cáo T và T4 đã thanh toán xong.

2. Hồ Thị T5 mua thông qua mạng xã hội nhắn tin Zalo bao gồm: Đ Bạc Liêu: Bao lô 02 con số: Số G; 87 số tiền 10.000đ. Thành tiền 280.000đ; Đầu và đuôi: Số 78: đầu 50.000đ, đuôi 50.000đ . Thành tiền 100.000đ

Đài miền B: Bao lô 02 con Số 78 số tiền 10.000đ; Thành tiền 210.000đ; Thời điểm bị phát hiện xác định số tiền trúng của T5 là: Bao lô 02 con số Đài B; Số G số tiền 10.000đ; Thành tiền: 700.000đ. Tổng số tiền tham gia đánh bạc 1.290.000đ, khi mua thì T5 chưa đưa tiền cho bị cáo T.

3. Nguyễn Văn T6 mua trực tiếp: Bao lô 02 con số: Đài B: Số G số tiền 20.000đ x 14.000đ = 280.000đ; Đài B: Số 72 số tiền 20.000đ x 14.000đ = 280.000đ; Đài Q: Số 38 số tiền 20.000đ x 14.000đ = 280.000đ; Đài Đ: Số 38 số tiền 20.000đ x 14.000đ = 280.000đ; Đài miền B: Số H số tiền 30.000đ x 21.000đ = 630.000đ. Tổng số tiền tham gia đánh bạc 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Khi mua thì T6 chưa đưa tiền cho bị cáo T.

4. Trương Kim N2, mua các số lô, đề thông qua mạng xã hội nhắn tin Zalo bao gồm: Đài B: Bao lô 02 con số 38 số tiền 5.000đ; số 83 số tiền 5.000đ, Số 09; 90; 16 số tiền 3.000đ. Số 36; 63 số tiền 5.000đ. Thành tiền: 406.000đ; Đài V: Bao lô 02 con số: 38 số tiền 5.000đ, số 83 số tiền 5.000đ; Số 09; 90; 16 số tiền 3.000đ, T7 tiền 266.000đ; Đài B: Bao lô 02 con số: 09; 90; 16 số tiền 3.000đ. Thành tiền 126.000đ; Đài Q: Bao lô 02 con số: Số C số tiền 5.000đ, Số H số tiền 5.000đ, T7 tiền 10.000đ x 14.000đ = 140.000đ; Đài Đ: Bao lô 02 con số 38 số tiền 5.000đ, Số H số tiền 5.000đ, T7 tiền 10.000đ x 14.000đ = 140.000đ; Đài miền B: Bao lô 02 con số 38 số tiền 5.000đ; Số 83 số tiền 5.000đ; Thành tiền 210.000đ. Thời điểm bị phát hiện xác định số tiền trúng của N2 là: Bao lô 02 con số đài Bến Tre, Số I số tiền 3.000đ, Bao lô 02 con số đài Vũng Tàu, Số I số tiền 3.000đ, Tổng tiền: 420.000đ. Tổng số tiền trúng là 1.708.000đ. Khi mua thì N2 chưa đưa tiền cho bị cáo T.

5. Trương Văn C1 mua số lô, đề bao gồm: Bao lô 02 con số và 03 con số: Đài Q: Số A; 115 số tiền 10.000đ; Đài Đ: Số A; 115 số tiền 10.000đ. Tổng số tiền 560.000đ.

6. Nguyễn Văn D trực tiếp đến mua số lô, đề bao gồm: Bao lô 02 con số đài M: Số D số tiền 10.000đ; Thành tiền 210.000đ. Khi mua thì D chưa đưa tiền cho bị cáo T.

7. Lương Văn S mua các số lô, đề thông qua mạng xã hội Zalo bao gồm: Đ Bạc Liêu B lô 02 con số: Số 46 số tiền 10.000đ. Thành tiền: 10.000đ x 14.000đ = 140.000đ; Đài V: Bao lô 02 con số 46 số tiền 10.000đ; Số 84 và 64 số tiền 5.000đ. Thành tiền: 280.000đ; Đài B: Bao lô 02 con số 46 số tiền 10.000đ. Thành tiền: 140.000đ; Đài Q: Bao lô 02 con Số 74 số tiền 10.000đ; Số 84 số tiền 5.000đ. Thành tiền: 210.000đ; Đài Đ: Bao lô 02 con số 74 số tiền 10.000đ; Số 84 số tiền 5.000đ. Thành tiền: 210.000đ; Đài M: Bao lô 02 con Số 86; 63; 47; 74 số tiền 5.000đ. Thành tiền 420.000đ. Số đá: 86 đá 63 số tiền 2.000đ, Số 47 đá 74 số tiền 2.000đ. T7 tiền 180.000đ. Tổng số tiền mua số lô, đề của S là: 1.580.000đ; Thời điểm bị phát hiện xác định số tiền trúng của ông S như sau: Bao lô 02 con số đài Vũng Tàu: Số H số tiền 5.000đ. Tổng tiền: 350.000đ. Tổng số tiền tham gia đánh bạc của ông S là 1.930.000đ. Khi mua thì S chưa đưa tiền cho bị cáo T.

8. Lương Văn Đ mua các số lô, đề thông qua mạng xã hội Zalo bao gồm: Đài B: Bao lô 02 con số 83 số tiền 5.000đ x 14.000đ = 70.000đ; Số 53 số tiền 5.000đ x 14.000đ = 70.000đ; Đài B: Bao lô 02 con số 83 số tiền 5.000đ x 14.000đ = 70.000đ; Đài V: Bao lô 02 con số 83 số tiền 5.000đ x 14.000đ = 70.000đ. Tổng số tiền tham gia đánh bạc của Đ là: 280.000đ. Khi mua thì Đ

chưa đưa tiền cho bị cáo T. Tổng số tiền ghi bán số lô, đề của bị cáo Hồ Thị T vào ngày 29/10/2024 là: 8.778.000đ và số tiền các đối tượng mua số lô, đề trúng vào ngày 29/10/2024 là 2.870.000đ cụ thể:

1. Hồ Thị T5: Bao lô 02 con số Đài B, số 78 số tiền 10.000đ. Thành tiền: 700.000đ.

2. Trương Kim N2: Bao lô 02 con số đài Bến Tre, số 09 số tiền 3.000đ. Bao lô 02 con số đài Vũng Tàu, số I số tiền 3.000đ. Thành tiền: 420.000đ.

3. Lư Văn T4: Bao lô 02 con số đài Đ, số 09 số tiền 20.000đ. Thành tiền: 1.400.000đ.

4. Lương Văn S: Bao lô 02 con số đài Vũng Tàu, số 84 số tiền 5.000đ. Thành tiền: 350.000đ.

Tổng số tiền tham gia đánh bạc của bị cáo T vào ngày 29/10/2024 là 11.648.000đ.

Sau khi bán các số lô, đề cho những người mua thì bị cáo T giao lại cho bị cáo C để hưởng lợi. Vào ngày 29/10/2024 bị cáo T đã chuyển tất cả các số lô, đề nêu trên cho bị cáo C thông qua mạng xã hội Zalo. Bị cáo C nhận mua các số lô, đề của bị cáo T cũng dựa trên kết quả xổ số của các đài Miền B, Miền T3 và M để xác định được, thắng, thua, khi nhận các số lô, đề của bị cáo T thì bị cáo C tính tỉ lệ như sau:

Đối với số đầu, đuôi bị cáo C tính 85% (tức là bị cáo T mua đầu hoặc đuôi 1000đ thì bị cáo C chỉ tính tiền 850đ), tỷ lệ được, thua vẫn là 1:70.

Đối với bao lô 02 con số các đài Miền Nam và Miền T3, lấy giá 12.900đ tính kết quả dựa trên 18 lô. Nếu người chơi mua 1.000đ, khi trúng thì nhận được 70.000đ; bao lô 03 con số giá 1.000đ, khi trúng nhận được 600.000đ.

Đối với bao lô 03 con số đài M, tính giá 19.500đ dựa trên tổng số 28 lô. Nếu mua lô 02 con số giá 1000đ, khi trúng thì nhận 70.000đ; Nếu mua 1.000đ lô 03 con số, khi trúng thì nhận được 600.000đ.

Đối với số đá 02 cặp số thì tính giá 39.000đ đối với đài Miền B. Nếu mua 1.000đ đá 02 cặp số, khi trúng nhận được 600.000đ

Cụ thể ngày 29/10/2024 tổng số tiền bị cáo C nhận mua phơi số lô, đề của bị cáo T là 8.707.800đ.

Căn cứ kết quả kiểm tra đối với bị cáo T và xác định được các số trúng gồm: Bao lô 02 con số Đài B số trúng 78 số tiền 10.000đ. Thành tiền: 700.000đ; Bao lô 02 con số đài Bến Tre, Số trúng 09 số tiền 3.000đ; Bao lô 02 con số đài Vũng Tàu, số trúng 90 số tiền 3.000đ . Tổng tiền: 420.000đ; Số trúng 84 số tiền

5.000đ. Tổng tiền: 350.000đ; Bao lô 02 con số đài Đắk Lắk, số trúng 09 số tiền 20.000đ. Thành tiền: 1.400.000đ. Tổng số tiền đối với các con số đã trúng vào ngày 29/10/2024 là 2.870.000đ.

Tổng số tiền tham gia đánh bạc của bị cáo C vào ngày 29/10/2024 là 11.577.800đ (tiền nhận mua phơi số lô, đề của bị cáo T là 8.707.800đ và 2.870.000đ là tiền số lô, đề trúng).

Đối với bị cáo Trương Văn C1: Tuy số tiền tham gia đánh bạc của bị cáo vào ngày 29/10/2024 là 560.000đ không đủ điều kiện truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Đánh bạc nhưng do bị cáo có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc bằng hình thức mua số lô, đề (ngày 23/4/2024, bị Công an thành phố N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 350.000đ về hành vi đánh bạc). Ngày 09/12/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra ra Quyết định khởi tố số 74/QĐ-ĐCSHS ngày 09/12/2024 về hành vi đánh bạc.

Vật chứng trong vụ án Cơ quan điều tra đã tạm giữ và xử lý như sau: Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố N đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Công an thành phố N mở tại Kho bạc Nhà nước thành phố N, số tài khoản 3949.0.9055956.00000 nhưng sau đó giải thể và chuyển cho Điều tra viên Bùi Công N3.

Chuyển đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 13 - Cần Thơ quản lý: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S21 của bị cáo Hồ Thị T; 01 cây bút mực màu xanh; 01 cây bút mực màu đỏ; 01 Sim điện thoại số 0973.112.779 trên sim có đặc điểm Viettet 4G, có các số thứ tự 8984,04800,09390,35982.

Tại bản án số: 08/2026/HS-ST ngày 09/02/2026, Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị C, Hồ Thị T và Trương Văn C1 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị C 09 (Chín) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giam ngày 24/11/2024 đến ngày 19/12/2024.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điều 38, Điều 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hồ Thị T 07 (Bảy) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giam ngày 24/11/2024 đến ngày 19/12/2024.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điều 38, Điều 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Văn C1 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Lê Thị C, Hồ Thị T, Trương Văn C1 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Các bị cáo Lê Thị C, Hồ Thị T, Trương Văn C1 kháng cáo trong hạn luật định nên đề nghị xem xét ở cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo quy định. Mức án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Tuy nhiên, đối với bị cáo Lê Thị C, bị cáo có vai trò chính trong vụ án, có tiền án chưa được xóa án tích nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đối với bị cáo Hồ Thị T, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có cung cấp thêm tình tiết mới đó là có công thờ cúng anh ruột là liệt sĩ nên xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Trương Văn C1 bị cáo có cung cấp tình tiết bị cáo bị bệnh nặng, đã phẫu thuật đặt máy trợ tim trong lồng ngực, tình trạng sức khỏe của bị cáo không đảm bảo, thường xuyên phải đi khám chữa bệnh theo định kỳ. Vì vậy đối với bị cáo Hồ Thị T được áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo mức án 4-5 tháng tù là tương xứng. Với bị cáo Trương Văn C1 có những tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và có đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội cũng đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị đề nghị giữ nguyên như án sơ thẩm.

Nói lời sau cùng: Bị cáo Lê Thị C xin xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để về lo cho cha mẹ già; bị cáo Hồ Thị T xin được hưởng án treo vì hoàn cảnh khó khăn, bị cáo có bệnh, phải chăm sóc các cháu còn nhỏ; bị cáo Trương Văn C1 xin hưởng án treo vì bệnh nặng, phải thường xuyên khám bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Xem xét và đối chiếu với tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo Lê Thị C và bị cáo Hồ Thị T là người tổ chức bán số đề tại ấp Đ, xã Đ, Thành phố Cần Thơ. Bị cáo T trực tiếp bán số đề cho người mua rồi giao lại cho bị cáo Lê Thị C để hưởng lợi.

Hình thức thắng thua khi bán số đề của các bị cáo là dựa trên kết quả xổ số kiến thiết của các đài M (Bến Tre, Bạc Liêu, Vũng Tàu), Miền T3 (Quảng Nam, Đắk Lắk), và các đài Miền B.

Khi bán số đề cho người mua, các bị cáo tính theo cách mua số đầu, số đuôi và bao lô. Đối với số đầu - đuôi, tỷ lệ thắng thua là 1:70 (mua 1000 đồng thắng được 70.000 đồng), bao lô hai con số, ba con số (18 lô), tỷ lệ thắng thua là 1:600 (mua 1000 đồng thắng được 600.000 đồng). Khi bị cáo T bán cho bị cáo C, bị cáo T được hưởng hoa hồng là 10%.

Ngày các bị cáo bị Công an bắt quả tang (29/10/2024) bị cáo T đã bán cho một số người mua như Lư Văn T4, Hồ Thị T5, Nguyễn Văn T6, Trương Kim N2, Nguyễn Văn D, Lương Văn Đ, Trương Văn C1, Lương Văn S.

Tổng số tiền bị cáo C được xác định mua bán số đề với những người mua nêu trên là 11.577.800 đồng (Tiền mua tính trên phôi đề, số lô là 8.707.800 đồng và số tiền người mua trúng là 2.870.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo T bán cho những người mua theo phôi đề, số lô của bị cáo T là 8.707.800 đồng).

Tổng số tiền bị cáo Trương Văn C1 mua số đề ngày 29/10/2024 là 560.000 đồng.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 08/2026/HS-ST ngày 09/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ đã áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự xét xử các bị cáo về tội “đánh bạc”.

Xử phạt:

- Bị cáo Lê Thị C: 09 tháng tù.
- Bị cáo Hồ Thị T: 07 tháng tù.

- Bị cáo Trương Văn C1: 06 tháng tù.

Sau khi Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm, các bị cáo đều có kháng cáo xin được hưởng án treo.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Thị C, Hồ Thị T và Trương Văn C1 đều thừa nhận hành vi phạm tội, thống nhất với tội danh “đánh bạc” cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Các bị cáo Lê Thị C và Hồ Thị T là người bán số đề cho những người mua. Số tiền các bị cáo bán cho những người mua số đề của các bị cáo C và T đều đủ để xét xử hình sự đối với hai bị cáo này. Đối với bị cáo Trương Văn C1, tuy số tiền dùng vào việc mua số đề không lớn (560.000 đồng), nhưng bị cáo C1 có một tiền sự vào ngày 23/4/2024 về hành vi mua bán số đề, lô đề, bị cáo đã bị công an thành phố N, tỉnh Hậu Giang (cũ) xử phạt hành chính với số tiền là 350.000 đồng. Bị cáo mới nộp phạt ngày 05/11/2024. Ngày 29/10/2024 bị cáo lại thực hiện hành vi mua số đề là thời điểm bị cáo chưa được xóa tiền sự về hành vi này. Việc cấp sơ thẩm xét xử bị cáo C1 về tội “đánh bạc” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hình phạt cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo là tương xứng với mức độ phạm tội của các bị cáo. Cấp sơ thẩm đã xem xét cho các bị cáo những tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xem xét cho các bị cáo Hồ Thị T và Trương Văn C1 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Về nhân thân: bị cáo C có một tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T có một tiền sự vào ngày 21/01/2024 về hành vi “bán số đề, lô đề”. Đến ngày 25/01/2024 bị cáo T mới nộp phạt số tiền 3.500.000 đồng nên thời điểm phạm tội của bị cáo T được xem là chưa xóa tiền sự. Đối với bị cáo Trương Văn C1, vấn đề tiền sự của bị cáo được xem là tình tiết định tội quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự nên tiền sự này được xem là chưa có. Bản thân bị cáo Trương Văn C1 tham gia đánh bạc với số tiền không lớn (560.000 đồng). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo C1 có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là bị cáo hiện đang bị bệnh tim đã phẫu thuật đặt máy trợ tim vào lồng ngực, bị cáo có sức khỏe không đảm bảo. Với nhiều tình tiết giảm nhẹ trên của bị cáo C1, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo là cho bị cáo được hưởng án treo có sự giám sát giáo dục của địa phương cũng đảm bảo tác dụng răn đe giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đối với bị cáo Hồ Thị T, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là hiện đang thờ cúng anh ruột là liệt

sĩ. Bị cáo đã trên 60 tuổi, sức khỏe yếu. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Lê Thị C, bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới hoặc những tình tiết giảm nhẹ nào mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là giảm án cho bị cáo Hồ Thị T, cho bị cáo Trương Văn C1 được hưởng án treo và giữ y án đối với bị cáo Lê Thị C.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Lê Thị C không được chấp nhận nên bị cáo C phải chịu án phí. Các bị cáo Hồ Thị T và Trương Văn C1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị C. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Thị T và Trương Văn C1. Sửa bản án Hình sự sơ thẩm số 08/2026/HS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hồ Thị T và Trương Văn C1.

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Thị C, Hồ Thị T và Trương Văn C1 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị C 09 (Chín) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giam ngày 24/11/2024 đến ngày 19/12/2024.

3. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hồ Thị T 04 (bốn) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giam ngày 24/11/2024 đến ngày 19/12/2024.

4. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn C1 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trương Văn C1 cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Hồ Thị T và Trương Văn C1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GD, KT I;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND, VKSND, PTHADS KV13 – Cần Thơ;
- CQCSĐT – Công an TP. Cần Thơ;
- CQTHAHS – Công an TP. Cần Thơ;
- PHSNV – Công an TP. Cần Thơ;
- UBND phường Đại Thành;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Bình